

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ap, ăp, âp*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ap, ăp, âp*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *ap, ăp, âp* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *ap, ăp, âp*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *ap, ăp, âp* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói về các đồ vật quen thuộc, miêu tả chúng và nói về các công dụng của chúng.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về người phụ nữ đeo con đến trường, về chiếc TV và các đồ vật quen thuộc khác.
- Cảm nhận được tình cảm gia đình thông qua hình ảnh mẹ đưa con đi học.

II CHUẨN BỊ

Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần *ap, ăp, âp*; hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước *ut, ưt* và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Mẹ đạp xe/ đưa Hà đến lớp./ Khắp phố tấp nập./ thật là vui.*
- GV giới thiệu các vần mới *ap, ăp, âp*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *ap, ăp, âp*.
 - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ap* với *ăp, âp* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *ap, ăp, âp*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.

- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS chọn chữ trong bộ thẻ chữ cái để ghép vần *ap*
 - + HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *ăp*.
 - + HS tháo chữ *ă*, ghép *â* vào để tạo thành *âp*.
- Lớp đọc đồng thanh *ap, ăp, âp* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *đap*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *đap*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *đap* (*đờ – áp – đấp – nặng – đap*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *đap*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *đap*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *đap*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau một lượt (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt. Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ap, ăp* hoặc *âp*.
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *xe đạp, cặp da, cá mập*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *xe đạp*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *xe đạp* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ap* trong *xe đạp*, phân tích và đánh vần tiếng *đạp*, đọc trơn từ ngữ *xe đạp*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *cặp da, cá mập*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ap, ăp, âp*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *ap, ăp, âp*.

- HS viết vào bảng con: *ap, ăp, ập* và *đạp, cạp, mạp* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết 2 vần *ăp* và *ập* vì trong *ăp* đã có *ap*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *ap, ăp, ập*; từ ngữ *cạp da, cá mạp*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ap, ăp, ập*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ap, ăp, ập* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
 - + *Khi ngủ, “tôi” thế nào?*
 - + *Thức dậy, “tôi” có thể làm gì?*
 - + *Bạn có thể làm gì nếu có “tôi”?*
 - + *“Tôi” là ai?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về những sự vật quen thuộc, thường dùng như mũ bảo hiểm, mũ vải, ô, cặp sách,....
- HS nói công dụng của những sự vật ấy. (GV có thể đặt các câu hỏi: *Khi nào em phải dùng mũ bảo hiểm? Khi nào em dùng mũ vải?... Đồ vật nào quen thuộc khác mà em muốn nói với các bạn?*)

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ có chứa các vần *ap, ăp, ập* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *ap, ăp, ập* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.